

THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP VẬN DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN “TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH” CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Kiều Thanh Thảo

Trường Đại học Tây Bắc

Email: kieuthanhthao206@utb.edu.vn

Article history

Received: 09/02/2022

Accepted: 20/3/2022

Published: 05/4/2022

Keywords

Mind-mapping method, “Vietnamese in use”, primary education

ABSTRACT

In teaching "practical Vietnamese" for majors of primary education, improving the effectiveness of mind map application is a necessary measure to improve students' learning and researching capacity. Research results show that the application of mind mapping in teaching "practical Vietnamese" for students of Primary Education at Tay Bac University still has some limitations such as: students do not know how to create a learning mind map effectively, the knowledge classification to apply the mind map has not received adequate attention and the application of this teaching method is not diversified. Therefore, the measures proposed in the article can hopefully help to overcome these limitations, improving students' learning efficiency in order to achieve teaching goals.

1. Mở đầu

Giáo dục Việt Nam đang thực hiện bước chuyển từ giáo dục chú trọng nội dung sang chú trọng năng lực của người học, nhất là năng lực vận dụng “điều đã học” vào thực tiễn. Và để hiện thực mục tiêu giáo dục “Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể mĩ; có tri thức, kĩ năng, trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân” thì “Phương pháp giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên” (Quốc hội, 2019). Việc vận dụng các phương pháp dạy học (PPDH) tích cực, trong đó, sử dụng sơ đồ tư duy (SĐTD) là một trong những cách thức góp phần phát triển năng lực tư duy logic của người học, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

Vận dụng SĐTD trong dạy học “Tiếng Việt thực hành” cho sinh viên (SV) ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Tây Bắc là một trong những cách thức góp phần thực hiện mục tiêu phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt, kĩ năng trình bày theo tư duy logic, khoa học cho SV, giúp họ có cách thức học tập hiệu quả, hỗ trợ đắc lực cho việc diễn đạt và giao tiếp, tăng cường kĩ năng nghiệp vụ sư phạm. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều SV chưa biết cách xây dựng SĐTD hiệu quả, năng lực vận dụng và kết quả học tập chưa cao.

Dưới đây, sau phần trình bày một số vấn đề cơ bản về phương pháp sử dụng SĐTD trong dạy học, nghiên cứu chỉ ra những hạn chế trong thực trạng vận dụng SĐTD trong dạy học “Tiếng Việt thực hành” cho SV ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Bắc: SV chưa biết lập SĐTD học tập một cách hiệu quả, việc phân loại kiến thức để vận dụng SĐTD chưa thực sự được chú trọng và cách vận dụng PPDH này còn khá đơn điệu; từ đó đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả vận dụng SĐTD trong dạy học học phần này, bao gồm: tổ chức linh hoạt các cách vận dụng SĐTD căn cứ vào đặc điểm kiến thức; hướng dẫn, gợi ý người học lựa chọn và sắp xếp các kí hiệu/từ khoá/cụm từ/câu chủ đề để lập SĐTD hiệu quả; kết hợp với các PPDH khác khi vận dụng SĐTD.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề cơ bản về vận dụng sơ đồ tư duy trong dạy học

- *Khái niệm*

“SĐTD” hay còn gọi là “bản đồ tư duy” (Mind Map) là một công cụ tổ chức tư duy được tác giả Tony Buzan (sinh năm 1942, người Anh, chuyên gia hàng đầu thế giới về nghiên cứu hoạt động của bộ não và là cha đẻ của Mind Map) nghiên cứu và phổ biến rộng rãi” (Trần Thu Hiền, 2019).

Theo Từ điển tiếng Việt của tác giả Hoàng Phê: “Sơ đồ là hình vẽ quy ước, có tính chất sơ lược, nhằm mô tả một đặc trưng nào đó của sự vật hay một quá trình nào đó” (Hoàng Phê, 2011, tr 1116) và “Tư duy là giai đoạn cao của

quá trình nhận thức, đi sâu vào bản chất và phát hiện ra tính quy luật của sự vật bằng những hình thức như biểu tượng, khái niệm, phán đoán và suy lí” (Hoàng Phê, 2011, tr 1371). Theo cuốn Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kĩ thuật dạy học của Dự án Việt - Bỉ “SĐTD là một hình thức ghi chép có thể sử dụng màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Nhờ sự kết nối giữa các nhánh, các ý tưởng được liên kết với nhau khiến SĐTD có thể bao quát được các ý tưởng trên một phạm vi sâu rộng. Tính hấp dẫn của hình ảnh, âm thanh,... gây ra những kích thích rất mạnh lên hệ thống rìa (hệ thống vỏ não) của não giúp cho việc ghi nhớ được lâu bền và tạo ra những điều kiện thuận lợi để vỏ não phân tích, xử lí, rút ra kết luận hoặc xây dựng mô hình về đối tượng cần nghiên cứu” (Bộ GD-ĐT - Dự án Việt - Bỉ, 2010). Như vậy, sử dụng SĐTD có thể “trực quan hoá” kiến thức trừu tượng, gây được ấn tượng mạnh, xây dựng mạch tư duy mạch lạc giữa các phần, các ý. Do đó, đây là một trong những PPDH đặc biệt phù hợp và hiệu quả để vận dụng cho những phần kiến thức lí thuyết hoặc các dạng bài tập được thực hiện bằng cách phân nhánh, tạo ý theo bậc trong các học phần.

- *Cách thức tiến hành*

Phương pháp sử dụng SĐTD được tiến hành theo chu trình sau:

Phần 1: Đặt vấn đề để xây dựng SĐTD

Trong phần này, giảng viên (GV) cần đưa ra các câu hỏi để gợi ý người học lập SĐTD. Cách đặt câu hỏi phải giúp cho người học định hình cách thức trả lời bằng sơ đồ kiến thức, hình thành ý tưởng xây dựng mối quan hệ giữa ý lớn, từ khoá, hình ảnh trung tâm với các ý, các từ khoá, hình ảnh thứ cấp hay quan hệ giữa các chủ đề chính và chủ đề nhỏ.

Phần 2: Hướng dẫn người học cách thức xây dựng SĐTD

Trong phần này, GV cần có sự định hướng, hướng dẫn cho người học cách thức xây dựng SĐTD. Tuỳ thuộc vào từng loại kiến thức, GV có thể định hướng cho người học xây dựng sơ đồ thứ bậc, sơ đồ mạng/chuỗi hoặc sơ đồ quan hệ toàn bộ/một phần,...

Phần 3: Tổng kết trước lớp

Trong phần này, GV có thể yêu cầu người học trình bày SĐTD của mình hoặc có thể đưa ra SĐTD để người học tham khảo. Đồng thời, yêu cầu người học thuyết trình nội dung dựa vào SĐTD vừa lập. Khi quá trình thuyết trình suôn sẻ, đầy đủ nội dung, vấn đề trình bày logic, khoa học thì việc vận dụng SĐTD trong giảng dạy có thể xem là thành công.

2.2. Thực trạng vận dụng sơ đồ tư duy trong dạy học học phần “Tiếng Việt thực hành” cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Bắc

Để nghiên cứu thực trạng vận dụng SĐTD trong dạy - học “Tiếng Việt thực hành” cho SV ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Tây Bắc, chúng tôi tiến hành khảo sát 6 GV, 78 SV (lớp K60 ĐHGĐTH A, K60 ĐHGĐTH B, mỗi lớp 39 SV) giai đoạn năm học 2021-2022.

2.2.1. Thực trạng vận dụng sơ đồ tư duy trong dạy “Tiếng Việt thực hành” của giảng viên

- Đánh giá mức độ vận dụng SĐTD trong học phần “Tiếng Việt thực hành” cho SV chuyên ngành Giáo dục Tiểu học: 83,3% GV được hỏi cho rằng, việc vận dụng SĐTD trong dạy học cho SV là khá thường xuyên. Việc vận dụng SĐTD thường xuyên như vậy là vì phương pháp này giúp SV dễ dàng tiếp nhận và ghi nhớ kiến thức hơn trong quá trình học tập; việc vận dụng SĐTD giúp SV hình thành tư duy logic, khoa học; đồng thời, khi vận dụng phương pháp này, SV có cơ hội thể hiện sự sáng tạo của mình khi phân tích, tổng hợp kiến thức.

- Đánh giá hiệu quả của việc vận dụng SĐTD trong dạy học “Tiếng Việt thực hành” cho thấy: 83,3% GV cho rằng khi vận dụng SĐTD giúp SV nắm bắt rất tốt vấn đề, hiểu một cách sâu sắc về vấn đề được học; 83,3% GV cho rằng vận dụng SĐTD giúp SV hình thành một số kĩ năng đơn giản trong phân tích, đánh giá nội dung của vấn đề cần nắm bắt; 66,7% GV cho rằng việc vận dụng SĐTD hỗ trợ SV rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ, có 50% GV cho rằng việc vận dụng SĐTD tạo cơ hội cho SV thể hiện quan điểm cá nhân; 66,7% GV cho rằng việc vận dụng SĐTD tạo ra hứng thú và động cơ học tập cho SV, tăng cường tư duy sáng tạo; 66,7% GV cho rằng việc vận dụng SĐTD sẽ giúp SV có khả năng đọc để tự học, tự bồi dưỡng kiến thức; 16,7% GV cho rằng vận dụng SĐTD tạo điều kiện cho SV được liên hệ thực tiễn.

Đánh giá về việc lựa chọn nội dung kiến thức để vận dụng SĐTD trong dạy học “Tiếng Việt thực hành”: có 83,3% GV vận dụng ở cả nội dung kiến thức dễ, khó/ cũ, mới; 16,7% GV vận dụng cho cả kiến thức lí thuyết/ thực hành, 83,3% GV chỉ vận dụng cho dạng kiến thức lí thuyết. Điều này chứng tỏ GV vận dụng thường xuyên SĐTD đối với hầu hết các loại kiến thức khó/dễ, cũ/mới, tập trung vận dụng SĐTD vào kiến thức lí thuyết.

- Đánh giá về cách vận dụng SĐTD trong dạy học “Tiếng Việt thực hành”: có 83,3% GV chọn cách GV nêu vấn đề, đồng thời thực hiện lập SĐTD để người học theo dõi; 50% GV chọn cách đưa ra yêu cầu cho người học tự lập

SĐTD, sau đó GV trình bày SĐTD để người học theo dõi; có 33,3% GV chọn cách để người học lập SĐTD, thuyết trình nội dung kiến thức nhờ SĐTD đó và GV tổng hợp, nhận xét; có 33,3 % GV vận dụng SĐTD kết hợp với PPDH khác như: phương pháp thảo luận, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp động não. Kết quả này cho thấy, phần lớn GV vận dụng SĐTD bằng cách nêu vấn đề, đồng thời thực hiện lập SĐTD để người học theo dõi. Điều đó có thể làm tăng hiệu suất của quá trình dạy học nhưng tính tích cực, chủ động và sự hứng thú của người học bị giảm xuống. GV cũng rất ít chú ý hướng dẫn SV lập SĐTD như thế nào mà thường chỉ đưa ra yêu cầu và tổng kết. Đồng thời, đa phần GV cũng chưa thật sự lưu ý kết hợp với các PPDH khác để quá trình vận dụng SĐTD đạt hiệu quả tốt hơn.

- Đánh giá về những khó khăn xuất phát từ SV khi vận dụng SĐTD trong học “Tiếng Việt thực hành”: có 83,3% GV cho rằng SV ngại đọc giáo trình, có 66,7% GV cho rằng đa phần SV chưa có kỹ năng xây dựng SĐTD hiệu quả, chưa biết phân cấp các nhánh trong sơ đồ, trình bày các ý chưa logic, khoa học, chưa biết dùng từ hoặc cụm từ chính để diễn đạt ý; có 16,7% GV cho rằng SV thường chờ thầy đưa ra đáp án.

2.2.2. Thực trạng học “Tiếng Việt thực hành” của sinh viên theo phương pháp sử dụng sơ đồ tư duy

- Đánh giá mức độ hứng thú của SV: có 7,7% SV thấy rất hứng thú, 24,4% SV thấy hứng thú, 64,1% SV thấy bình thường và 3,8% SV không hứng thú. Điều này chứng tỏ tỉ lệ SV khi học Tiếng Việt thực hành theo phương pháp sử dụng SĐTD cảm thấy chưa thật sự hứng thú vẫn chiếm tỉ lệ khá cao.

- Đánh giá mức độ tiếp nhận và ghi nhớ kiến thức của SV: có 7,7% SV cảm thấy tiếp nhận và ghi nhớ kiến thức rất tốt, có 37,1% SV tiếp nhận và ghi nhớ kiến thức tốt, có 52,6% SV tiếp nhận và ghi nhớ kiến thức ở mức độ trung bình, có 2,6% SV tiếp nhận và ghi nhớ kiến thức ở mức độ không tốt. Điều này chứng tỏ tỉ lệ SV tiếp nhận và ghi nhớ kiến thức khi học Tiếng Việt thực hành theo phương pháp sử dụng SĐTD ở mức độ trung bình, không tốt vẫn khá cao.

- Khảo sát SV bằng phiếu bài tập sau khi vận dụng SĐTD trong dạy học “Tiếng Việt thực hành”, kết quả cho thấy: đối với dạng bài tập Lập SĐTD xác định những phương thức liên kết giữa các câu trong đoạn văn chỉ có 25,6% SV đạt điểm giỏi, 59% SV đạt điểm khá, 12,8% SV có điểm trung bình, 2,6% SV có điểm yếu kém; đối với dạng bài tập *Viết đoạn văn, xác định các câu bậc 1, bậc 2, bậc 3* có 6,4% SV đạt điểm giỏi, 43,6% SV đạt điểm khá, 35,9% SV có điểm trung bình, 14,1% SV có điểm yếu kém. Do đó, tỉ lệ SV đạt điểm trung bình còn khá cao và vẫn còn SV chưa nắm được bài khi GV vận dụng SĐTD.

Như vậy, kết quả khảo sát 6 GV và 78 SV cho thấy: việc vận dụng SĐTD trong dạy học học phần Tiếng Việt thực hành vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Nguyên nhân là vì GV chủ yếu tiến hành phương pháp sử dụng SĐTD bằng cách nêu vấn đề và lập SĐTD ngay sau đó để người học theo dõi, người học được cung cấp luôn kiến thức đã được tổng hợp từ người dạy. Chính điều này vô tình làm hạn chế tính tích cực của người học. Đồng thời, đa phần GV thường chỉ đưa ra yêu cầu người học lập SĐTD mà ít hướng dẫn, dẫn đến SĐTD của người học đôi khi không đạt yêu cầu. Bên cạnh đó, GV cũng chưa thật sự lưu ý kết hợp với các PPDH khác trong quá trình thực hiện phương pháp sử dụng SĐTD. Việc nghiên cứu thực trạng, xác định nguyên nhân hạn chế trong việc vận dụng SĐTD khi dạy học “Tiếng Việt thực hành” là bước đi quan trọng để đề ra biện pháp nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện công việc này.

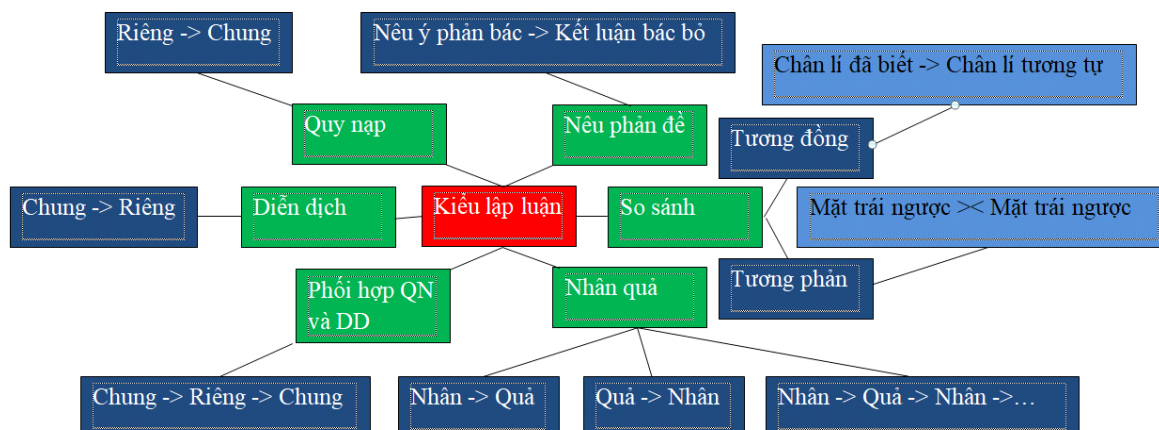
2.3. Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả vận dụng sơ đồ tư duy trong dạy học “Tiếng Việt thực hành”

Việc xây dựng biện pháp nâng cao hiệu quả vận dụng SĐTD trong dạy học “Tiếng Việt thực hành” cần dựa trên những nguyên tắc cơ bản sau đây: - Các biện pháp phải dựa trên những hiểu biết về bản chất của SĐTD. Đây là “một hình thức ghi chép” có thể sử dụng các từ khoá, kí hiệu, màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng; - Các biện pháp đề xuất vận dụng SĐTD phải chú ý đến đặc trưng của học phần “Tiếng Việt thực hành”. Có thể vận dụng SĐTD trong dạy học các phần kiến thức lí thuyết và bài tập yêu cầu hình thức trả lời phân nhánh các bậc; - Các biện pháp đề xuất phải đảm bảo tính linh hoạt trong vận dụng SĐTD để dạy học “Tiếng Việt thực hành”.

2.3.1. Tổ chức linh hoạt cách tiến hành phương pháp sử dụng sơ đồ tư duy căn cứ vào đặc điểm kiến thức

Trong dạy học “Tiếng Việt thực hành”, nếu như GV có thể vận dụng phương pháp thảo luận cho cả vấn đề lí thuyết/ thực hành, tập trung vào những kiến thức mà người dạy dự đoán được người học có hiểu biết nhất định về nó... những kiến thức mang tính chất phổ biến mà người học có thể đưa ra quan điểm phong phú, đa dạng hơn, thể hiện cách nhìn nhận nhiều chiều của người học, thì phương pháp sử dụng SĐTD có thể được GV vận dụng khi giảng dạy kiến thức lí thuyết (là chủ yếu) bao gồm cả kiến thức mới/khó, cũ/dễ, kiến thức ôn tập.

Chẳng hạn, khi dạy xong *Chương 1. Rèn kĩ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản*, người dạy có thể ôn tập lại nội dung phần *Các kiểu lập luận thường gặp trong đoạn văn* bằng cách hướng dẫn và yêu cầu người học tự lập SĐTD, xác định bản chất của các kiểu lập luận.



Sơ đồ 1. Các kiểu lập luận

Dựa vào sơ đồ 1, người học tự xây dựng, họ có thể dễ dàng trình bày các kiểu lập luận và bản chất của chúng. Trong tạo lập văn bản có 6 kiểu lập luận, gồm: quy nạp, diễn dịch, phối hợp quy nạp và diễn dịch, nêu phản đề, so sánh và nhân quả. Bản chất của các kiểu lập luận này cũng được thể hiện rất rõ trong sơ đồ. Quy nạp là quá trình lập luận đi từ cái riêng đến cái chung. Diễn dịch là phương pháp đi từ cái chung, cái khái quát đến cái riêng, cái cụ thể, vận dụng nguyên lí chung để xem xét những sự vật riêng biệt. Phối hợp quy nạp và diễn dịch là kiểu lập luận có bố cục 3 phần kết cấu tổng - phân - hợp. Nêu phản đề là cách thức nêu ý kiến phản bác lại kết luận, sau đó phủ định lại ý kiến này ở phần kết luận. So sánh có hai cách là so sánh tương đồng (từ chân lí đã biết suy ra chân lí tương tự), so sánh tương phản (đối chiếu các mặt trái ngược với nhau). Nhân quả là cách lập luận có thể đi từ nhân đến quả, có thể nêu quả trước, nhân sau hoặc nhân quả liên hoàn.

Như vậy, dựa vào đặc điểm của kiến thức bài học (là kiến thức mới/khó hay dễ/cũ, kiến thức ôn tập lại), người dạy có thể vận dụng linh hoạt các cách thực hiện phương pháp sử dụng SĐTD. Đối với kiến thức mới/khó đối với người học, người dạy có thể cung cấp SĐTD giới thiệu trước về nội dung học tập, đồng thời sử dụng sơ đồ đó cho quá trình giảng bài. Người học có thể có cái nhìn logic về vấn đề mới trong bài học. Đối với kiến thức dễ/cũ, kiến thức ôn tập, người dạy có thể hướng dẫn và yêu cầu người học tự lập SĐTD, trình bày lại nội dung dựa trên các từ khoá/cụm từ/câu chủ đề trong sơ đồ. Điều đó giúp SV ghi nhớ được kiến thức theo trình tự tư duy logic, khoa học.

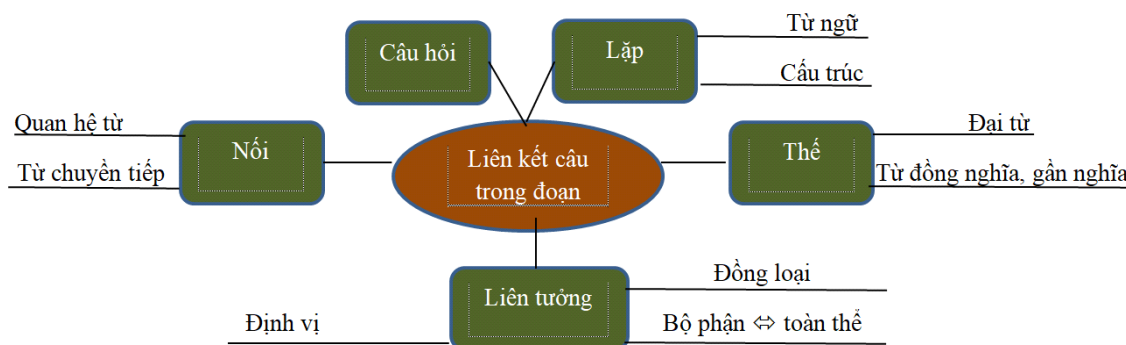
2.3.2. Hướng dẫn, gợi ý người học lựa chọn và sắp xếp các kí hiệu/từ khoá/cụm từ/câu chủ đề để lập sơ đồ tư duy hiệu quả

Xuất phát từ thực tiễn khảo sát, nhiều SV chưa có kĩ năng xây dựng SĐTD (sơ đồ có nội dung từ khoá không chọn lọc, ngôn ngữ rườm rà, thiếu trực quan). Đồng thời, nhiều GV chưa thực sự chú ý đến việc hướng dẫn người học cách xây dựng SĐTD hiệu quả. Vì thế, việc định hướng hỗ trợ người học lựa chọn và sắp xếp các kí hiệu/từ khoá/cụm từ/câu chủ đề làm nền tảng xây dựng SĐTD là việc làm cần thiết. Trong các học phần giảng dạy về ngôn ngữ nói chung, giảng dạy học phần “Tiếng Việt thực hành” nói riêng, xây dựng SĐTD thường dựa trên việc lựa chọn, sắp xếp những từ khoá/cụm từ ngắn gọn, một số dạng bài tập trong học phần có thể sử dụng câu chủ đề phân bậc. Tất cả từ khoá/cụm từ hay câu chủ đề này được sắp xếp theo một trình tự nhất định, làm nền tảng để người học thuyết trình một cách mạch lạc, khoa học.

Chẳng hạn, khi dạy *Chương 1. Rèn kĩ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản*, Mục 1.2.1.2. *Tìm hiểu cách lập luận trong đoạn văn*, Phần *Liên kết giữa các câu trong đoạn văn*, GV có thể hướng dẫn SV lựa chọn và sắp xếp các từ/cụm từ ngắn gọn, phân nhánh các cụm từ đó bằng cách sử dụng kí hiệu phù hợp.

Với sơ đồ 2, để biểu thị nội dung: Có 5 cách thức liên kết giữa các câu trong đoạn văn: phương thức lặp, phương thức thế, phương thức liên tưởng, phương thức nối và phương thức dùng câu hỏi, GV định hướng SV chỉ cần dùng những từ ngắn gọn để biểu thị: “Lặp”, “Thế”, “Liên tưởng”, “Nối”, “Câu hỏi”. Các từ này được nối với cụm từ trung tâm “Liên kết câu trong đoạn”. Và các từ biểu thị phương thức liên kết “Lặp”, “Thế”, “Liên tưởng”, “Nối” lại được phân nhánh. Để biểu thị nội dung: Phương thức lặp gồm hai cách: lặp từ ngữ (câu sau lặp lại một từ ngữ của câu đi trước) và lặp cấu trúc (câu sau lặp lại cấu trúc (mô hình câu) của câu đi trước); phương thức thế gồm hai cách: thế bằng đại từ (câu đi sau dùng đại từ thay thế cho một từ, một ngữ ở câu trước) và thế bằng từ đồng nghĩa, gần nghĩa; phương thức liên tưởng gồm ba cách: liên tưởng đồng loại (các đối tượng ở các câu có đặc điểm chung nào đó), liên

tương bộ phận với toàn thể và ngược lại và liên tương định vị (các đối tượng đều phản ánh chung một phương diện, hiện tượng nào đó); phương thức nối gồm hai cách: nối bằng quan hệ từ và nối bằng các từ ngữ có tác dụng chuyển tiếp, ..., GV có thể hướng dẫn SV lựa chọn những từ/cụm từ ngắn gọn hay các kí hiệu để biểu thị như: “Từ ngữ”, “Câu trúc”, “Đại từ”, “Từ đồng nghĩa, gần nghĩa”, “Đồng loại”, “Bộ phận Toàn thể”, “Định vị”, “Quan hệ từ”, “Từ chuyển tiếp”. Các từ/cụm từ này sẽ được sắp xếp theo trình tự và nối vào phương thức liên kết tương ứng tạo thành nhánh phân bậc.



Sơ đồ 2. Phương thức liên kết giữa các câu trong đoạn văn

Như vậy, việc hướng dẫn, gợi ý người học lựa chọn và sắp xếp các kí hiệu/từ khoá/cụm từ/câu chủ đề để lập SĐTD là một trong những biện pháp nâng cao năng lực tư duy cho người học, góp phần vận dụng phương pháp sử dụng SĐTD đạt hiệu quả. Quá trình GV định hướng cách thức xây dựng SĐTD là việc làm cần thiết, giúp SV rèn luyện tư duy sắc sảo và phát triển năng lực xác định “sườn ý” trọng tâm của bài học. Đồng thời, SV được rèn luyện khả năng xây dựng SĐTD tốt để làm nền tảng phát triển kĩ năng thuyết trình khoa học, logic dựa trên nội dung sơ đồ.

2.3.3. Kết hợp với các phương pháp dạy học khác khi vận dụng sơ đồ tư duy

Việc kết hợp các phương pháp khác nhau trong quá trình dạy học là một trong những biện pháp phát huy tính hiệu quả, khắc phục những hạn chế của từng PPDH. Trong dạy học Tiếng Việt thực hành, GV có thể tiến hành phương pháp sử dụng SĐTD bằng cách kết hợp với các PPDH khác như phương pháp động não, phương pháp thảo luận, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, GV không nên lạm dụng việc kết hợp quá nhiều PPDH chỉ để giải quyết một nội dung nào đó. Việc kết hợp các PPDH nên có sự lựa chọn một cách phù hợp để đạt được mục tiêu bài dạy.

Chẳng hạn, khi dạy *Chương 2 Rèn luyện kĩ năng sử dụng câu, dùng từ, chính tả và quy tắc viết hoa, phát âm tiếng nước ngoài*, Mục 2.1.2. *Chữa lỗi thông thường về câu trong văn bản*, GV có thể vận dụng kết hợp phương pháp sử dụng SĐTD và phương pháp thảo luận để hoàn thành yêu cầu: Xác định những lỗi thông thường về câu trong văn bản. GV chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm thực hiện xây dựng SĐTD về một lỗi câu trong tiếng Việt: lỗi về cấu tạo ngữ pháp của câu, lỗi về quan hệ ngữ nghĩa trong câu, lỗi về câu thiếu thông tin, lỗi về dấu câu, lỗi về phong cách. Các nhóm thực hiện thảo luận, thống nhất ý kiến để vẽ SĐTD. Nhóm tìm hiểu về lỗi cấu tạo ngữ pháp của câu vẽ SĐTD phân thành các nhánh gồm: câu không đủ thành phần, câu không phân định rõ thành phần, câu sắp xếp sai vị trí các thành phần, sau đó đưa ra ví dụ phân tích trực tiếp. Nhóm tìm hiểu về lỗi quan hệ ngữ nghĩa trong câu vẽ SĐTD phân thành các nhánh gồm: câu phản ánh sai hiện thực khách quan, câu có quan hệ giữa các thành phần, các vế câu không logic, câu có các thành phần cùng chức không đồng loại, sau đó cũng đưa ra ví dụ phân tích trực tiếp. Tương tự với các nhóm còn lại cũng thực hiện lập SĐTD phân nhánh như vậy. Cuối cùng, SĐTD về bài học các lỗi thông thường về câu trong văn bản được hoàn thành và thuyết trình trước lớp là sản phẩm tư duy chung của cả nhóm.

Như vậy, bài báo đã đề xuất ba biện pháp: tổ chức linh hoạt các cách vận dụng phương pháp SĐTD căn cứ đặc điểm kiến thức; kết hợp các PPDH khác nhau trong quá trình vận dụng; hướng dẫn, gợi ý người học lựa chọn và sắp xếp các kí hiệu/từ khoá/cụm từ/câu chủ đề để lập SĐTD. Việc vận dụng các biện pháp này như thế nào còn phụ thuộc rất nhiều vào kiểu bài, dạng kiến thức (mới/khó, cũ/dễ hay kiến thức ôn tập) mới tăng cường hiệu quả học tập, làm tăng tính tích cực và rèn luyện tư duy logic ở người học.

3. Kết luận

Phương pháp sử dụng SĐTD là một trong những PPDH tích cực, góp phần thúc đẩy quá trình rèn luyện năng lực tư duy, suy nghĩ logic, óc phân tích, tổng hợp nội dung kiến thức rất cần thiết cho người học. Nếu như phương pháp nêu và giải quyết vấn đề “đòi hỏi GV phải đầu tư nhiều thời gian và công sức suy nghĩ để tạo ra được nhiều tình huống gợi vấn đề” (Kiều Thanh Thảo, 2021, tr 205) thì sử dụng SĐTD đặt ra yêu cầu cho người dạy cần phải có năng lực chọn lọc từ ngữ then chốt, tư duy tổng kết vấn đề theo hệ thống.

Thực tiễn vận dụng SĐTD trong dạy học “Tiếng Việt thực hành” cho SV ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Tây Bắc vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định như: cách vận dụng SĐTD còn đơn điệu, việc kết hợp SĐTD với các PPDH khác chưa thực sự được chú ý, người học chưa có kỹ năng tốt trong việc xây dựng SĐTD. Để khắc phục những tồn tại này, GV cần chú ý tổ chức linh hoạt các cách vận dụng SĐTD căn cứ vào đặc điểm kiến thức; hướng dẫn, gợi ý người học lựa chọn và sắp xếp các kí hiệu/từ khóa/cụm từ/câu chủ đề để lập SĐTD hiệu quả và kết hợp các PPDH khác một cách phù hợp.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT, Dự án Việt - Bỉ (2010). *Dạy và học tích cực một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2012). *Tiếng Việt thực hành*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Hoàng Phê (2011). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- Kiều Thanh Thảo (2021). Thực trạng và biện pháp áp dụng phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề trong dạy học “Tiếng Việt thực hành” cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Tây Bắc. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 1 tháng 4*, 201-205.
- Phó Đức Hoà (2011). *Dạy học tích cực và cách tiếp cận trong dạy học tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/06/2019.
- Trần Thu Hiền (2019). Vận dụng kết hợp kỹ thuật sơ đồ tư duy với phương pháp dạy học theo nhóm trong dạy học ở Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu. *Tạp chí Giáo dục, 458*, 26-31.